

Số: 1119 /2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua các Hợp đồng ủy quyền xử lý nợ giữa NCB và AMC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị NCB;
- Căn cứ Nghị quyết số 760/2026/NQ-HĐQT ngày 26/06/2026 (sau đây gọi tắt là NQ 760/2026); Hợp đồng ủy quyền số 761/2026/HĐUQ/NCB-AMC ngày 26/06/2026 (HĐUQ 761/2026) và Hợp đồng ủy quyền số 762/2026/HĐUQ/NCB-AMC ngày 26/06/2026 (HĐUQ 762/2026);
- Căn cứ Tờ trình số 133/2026/TTr-AMC ngày 26/08/2026 của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân (AMC) về việc phê duyệt thay thế Hợp đồng ủy quyền xử lý nợ giữa NCB và AMC và các tài liệu kèm theo;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số: 1111 /2026/BBKP-HĐQT ngày 16 /09/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung các Hợp đồng ủy quyền xử lý nợ giữa NCB và AMC sau đây:

- 1.1. Hợp đồng ủy quyền tổ tụng, thi hành án;
- 1.2. Hợp đồng ủy quyền thực hiện xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn.
(Các Hợp đồng ủy quyền xử lý nợ giữa NCB và AMC nói trên sau đây được gọi tắt là các Hợp đồng, ban hành đính kèm Nghị Quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- 2.1. Yêu cầu AMC thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung quy định tại các Hợp đồng, tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của NCB và phê duyệt của các cấp thẩm quyền NCB;
- 2.2. Giao Tổng giám đốc NCB tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại các Hợp đồng, ký kết các văn bản liên quan trong thẩm quyền của mình theo Quy định của NCB và của pháp luật;
- 2.3. Kể từ ngày các Hợp đồng nêu tại Điều 1 Nghị quyết này có hiệu lực, HĐUQ 761/2026 và HĐUQ 762/2026 ban hành theo NQ 760/2026 hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2026. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- TGD, AMC, K. QTTC, K. QTRR, K. PCTT (đề t/h);
- Lưu Văn thư, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Thị Thanh Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

V/v Tham gia tổ tụng, thi hành án

(Số: 1120/2026/HĐUQ/NCB-AMC)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư 31/2025/TT -NHNN ngày 30/09/2025 của Ngân hàng Nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân;
- Căn cứ Nghị quyết số: 1119/2026/NQ-HĐQT ngày 17/09/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân về việc thông qua Hợp đồng ủy quyền này;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 09 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

Trụ sở : Số 25 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp: 1700169765

Đại diện : Bà **BÙI THỊ THANH HƯƠNG**

CCCD số : 036180006173 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/07/2021

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "Bên A" hoặc "NCB")

BÊN B: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG QUỐC DÂN

Địa chỉ : 28C – 28D phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp: 0304767745

Đại diện : Ông Lê Viết Phúc

Chức vụ : Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là "Bên B" hoặc "AMC")

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng ủy quyền (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung và phạm vi ủy quyền

NCB đồng ý ủy quyền cho AMC được đại diện NCB thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động tố tụng, thi hành án tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn đối với Khách hàng của NCB, cụ thể:

1.1 Ký các văn bản, giấy tờ sau:

- a) Đơn khởi kiện, Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Đơn kháng cáo, Đơn yêu cầu trọng tài; Đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; Đơn yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án; Văn bản đề nghị thay đổi/bổ sung/rút đơn/rút một phần yêu cầu khởi kiện/kháng cáo/giám đốc thẩm/tái thẩm tại Tòa án, tổ chức Trọng tài; Đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét lại bản án/quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm/tái thẩm; các văn bản xác minh, thu thập chứng cứ; các văn bản, tài liệu liên quan trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án/vụ việc; Đơn phản tố, báo tin, Đơn yêu cầu độc lập trong vụ việc dân sự; Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- b) Đơn yêu cầu Thi hành án, văn bản đề nghị rút đơn/rút một phần yêu cầu thi hành án; các văn bản về việc nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Tòa án/cơ quan thi hành án; các văn bản, công văn trao đổi với cơ quan thi hành án và các cơ quan hữu quan khác về những vấn đề liên quan trong toàn bộ quá trình giải quyết việc thi hành án;
- c) Văn bản đề nghị hoãn thi hành án;
- d) Đơn đề nghị xem xét hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Đơn tố giác, Đơn trình báo/báo tin; Đơn khiếu nại, Đơn tố cáo; Đơn rút yêu cầu hoặc thay đổi yêu cầu một phần hoặc toàn bộ nội dung tố giác, trình báo/báo tin; cung cấp, ký các văn bản, hồ sơ, tài liệu; nộp phí theo quy định của pháp luật trong quá trình khiếu nại, tố cáo để xử lý, thu hồi nợ;
- e) Đơn yêu cầu Tòa án áp dụng/tạm dừng/hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời;

- f) Văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án;
 - g) Các công văn/văn bản trao đổi/kiến nghị với Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án, Cơ quan điều tra và các cơ quan hữu quan khác về những vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nợ; các văn bản và hồ sơ, tài liệu phát sinh trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra và cơ quan tiến hành tố tụng các cấp;
 - h) Các văn bản, giao nhận tiền, tài sản và các tài liệu có liên quan trong quá trình giải quyết việc Thi hành án;
- 1.2 Nộp, gửi các văn bản tại Khoản 1.1 và các văn bản có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án;
- 1.3 Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tại các cấp xét xử với tư cách là nguyên đơn/bị đơn/Bên yêu cầu/Bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến hoạt động tố tụng, thi hành án của NCB;
- 1.4 Cung cấp các tài liệu và bằng chứng trước tòa án và tiến hành các công việc, thực hiện các thủ tục cần thiết khác trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCB, cụ thể:
- a) Nộp/nhận lại các loại tiền án phí, tạm ứng án phí, phí, lệ phí,... theo quy định của pháp luật;
 - b) Tham gia và thực hiện các thủ tục trong quá trình thi hành án tại Cơ quan thi hành án, bao gồm cả việc tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản đảm bảo (trong trường hợp áp dụng) để thu hồi nợ;
 - c) Cung cấp hồ sơ, tài liệu; tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp, Cơ quan trọng tài và các cơ quan tiến hành tố tụng khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc Bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong các vụ án/vụ kiện giữa NCB/VAMC với khách hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;
 - d) Tham gia và thực hiện các thủ tục trong quá trình giải quyết các vụ việc có dấu hiệu hình sự chuyển Cơ quan tiến hành tố tụng các cấp (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân,...), Bên tiến hành tố tụng; cung cấp hồ sơ, chứng cứ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;



- e) Quyết định các vấn đề trong quá trình làm việc với khách hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan và các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xử lý và thu hồi khoản nợ theo đúng chỉ đạo/phê duyệt cấp có thẩm quyền của NCB/AMC;
 - f) Tham gia và thực hiện các thủ tục khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật trong quá trình xử lý, thu hồi nợ;
 - g) Thực hiện các công việc khác phát sinh trong quá trình xử lý, thu hồi các khoản nợ đã nêu ở phần trên.
- 1.5 Yêu cầu tòa án, cơ quan thi hành án và các cơ quan/cá nhân có thẩm quyền liên quan khác áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời và thực hiện các thủ tục cần thiết khác hoặc cưỡng chế thi hành án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCB;
- 1.6 Thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ tố tụng khác của NCB theo quy định của Pháp luật;
- 1.7 Được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định của pháp luật có liên quan;
- 1.8 Cung cấp thông tin số tài khoản của NCB để cơ quan thi hành án hoàn trả tiền tạm ứng án phí, tiền được thi hành án hoặc trực tiếp nhận tiền mặt tại Cơ quan Thi hành án.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên được ủy quyền

- 2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ công việc được ủy quyền trên cơ sở đảm bảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tuân thủ quy định pháp luật và quy định của Hợp đồng ủy quyền này;
- 2.2. Bên được ủy quyền độc lập, tự chịu trách nhiệm và chịu trách nhiệm cuối cùng trước Bên ủy quyền và pháp luật về kết quả thực hiện các công việc được ủy quyền, bao gồm mọi hành vi và hậu quả phát sinh từ việc thực hiện công việc của người được ủy quyền lại (cán bộ, nhân viên của AMC) được phân công hoặc giao nhiệm vụ thực hiện công việc thuộc phạm vi được ủy quyền. Việc ủy quyền lại, phân công hoặc giao nhiệm vụ cho bất kỳ cá nhân nào thực hiện công việc thuộc phạm vi được ủy quyền không làm miễn trừ, hạn chế hoặc chuyển giao trách nhiệm của Bên được ủy quyền đối với Bên ủy quyền.
- 2.3. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tất cả các công việc trong phạm vi Hợp đồng ủy

quyền này cho Bên ủy quyền;

- 2.4. Trường hợp Bên được ủy quyền không giải quyết hoặc giải quyết chậm trễ các khó khăn, vướng mắc trong phạm vi công việc được ủy quyền dẫn đến ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của NCB thì phải chịu trách nhiệm trước Bên ủy quyền.
- 2.5. Khi thực hiện các công việc tại Điều 1, Bên được ủy quyền được sử dụng con dấu của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết;
- 2.6. Bảo mật toàn bộ các thông tin có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng ủy quyền này trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện công việc được ủy quyền;
- 2.7. Trách nhiệm khác theo quy định của NCB và pháp luật.

Điều 3. Ủy quyền lại

- 3.1. Trong phạm vi được ủy quyền, Bên được ủy quyền được ủy quyền lại cho cán bộ, nhân viên của AMC thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc được ủy quyền. Phạm vi ủy quyền lại không vượt quá phạm vi công việc mà NCB đã ủy quyền cho AMC đồng thời AMC chịu toàn bộ trách nhiệm trước NCB về mọi hành vi, nghĩa vụ của Bên được ủy quyền lại trong quá trình thực hiện công việc được ủy quyền.
- 3.2. Trường hợp Bên được ủy quyền lại theo quy định tại Khoản 3.1 Điều này là cán bộ giữ chức danh quản lý (Phó Giám đốc/Trưởng phòng/Phó phòng hoặc các chức danh tương đương theo quy định của AMC trong từng thời kỳ), Bên được ủy quyền lại được tiếp tục ủy quyền lại cho cán bộ, nhân viên của AMC thuộc phạm vi quản lý của Bên được ủy quyền lại thực hiện công việc mà mình được ủy quyền lại (ngoại trừ công việc nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng ủy quyền này). Trường hợp Bên được ủy quyền lại là cán bộ, nhân viên của AMC không giữ chức danh quản lý, Bên được ủy quyền lại không được tiếp tục ủy quyền lại.
- 3.3. Việc ủy quyền lại phải được lập thành văn bản. Khi thực hiện các công việc ủy quyền lại tại Điều này, Bên được ủy quyền lại được sử dụng con dấu của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- 4.1. Hợp đồng ủy quyền này có hiệu lực từ ngày 17/09/2026; kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, Hợp đồng số: 762/2026/HĐUQ/NCB-AMC ngày 26/06/2026 sẽ chấm dứt hiệu lực.

4.2. Hợp đồng ủy quyền này chấm dứt hiệu lực khi phát sinh một trong các trường hợp sau, tùy thuộc trường hợp nào đến trước:

- a) Do hai bên thỏa thuận hoặc có văn bản khác thay thế/bãi bỏ Hợp đồng ủy quyền này;
- b) NCB có văn bản/thông báo chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng ủy quyền này.
- c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và quy định của NCB;

4.3. Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, 01 (một) bản do Bên ủy quyền giữ, 01 (một) bản do Bên được ủy quyền giữ.

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN

**CÔNG TY TNHH QLN & KTTS
NGÂN HÀNG QUỐC DÂN**



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Thị Thanh Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

(Số: 1121/2026/HĐUQ/NCB-AMC)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư 31/2025/TT -NHNN ngày 30/09/2025 của Ngân hàng Nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân;
- Căn cứ Nghị quyết số: 1119/2026/NQ-HĐQT ngày 17/01/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân về việc thông qua Hợp đồng ủy quyền này;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN

Trụ sở : Số 25 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp: 1700169765

Đại diện : Bà **BÙI THỊ THANH HƯƠNG**

CCCD số : 036180006173 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/07/2021

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "Bên A" hoặc "NCB")

BÊN B: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG QUỐC DÂN

Địa chỉ : 28C – 28D phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp: 0304767745

Đại diện : Ông **Lê Viết Phúc**

Chức vụ : Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “Bên B” hoặc “AMC”)

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng ủy quyền (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung và phạm vi ủy quyền

NCB đồng ý ủy quyền cho AMC được đại diện NCB thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn đối với Khách hàng của NCB (Sau đây gọi là “Khách Hàng”), bao gồm nhưng không giới hạn trong các công việc sau đây:

1.1 Làm việc với cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan Nhà nước có liên quan trong quá trình thực hiện các công việc, cụ thể:

- a) Trực tiếp làm việc với Khách Hàng, bên bảo đảm, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xử lý, thu hồi các khoản nợ của Khách Hàng (bao gồm cả các hoạt động liên quan đến thu giữ/tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm);
- b) Tham gia và thực hiện các thủ tục hành chính, và/hoặc bất kỳ thủ tục cần thiết nào khác theo quy định pháp luật liên quan đến công tác xử lý và thu hồi khoản nợ của Khách Hàng (bao gồm cả các hoạt động liên quan đến thu giữ/tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm);

1.2 Đàm phán, ký, ký kết, triển khai thực hiện các văn bản sau:

- a) Văn bản xác minh/đề nghị xác minh tình trạng công tác, Văn bản xác minh/đề nghị xác minh tình trạng cư trú gửi đến Khách Hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;
- b) Văn bản/Thông báo thu hồi nợ, Văn bản/Thông báo yêu cầu bàn giao tài sản/Thông báo thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm, biên bản làm việc, văn bản về việc niêm yết/công khai thông tin thu giữ/xử lý tài sản bảo đảm và các văn bản khác liên quan đến quá trình thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm;
- c) Văn bản/thông báo nợ, Giấy giới thiệu, Giấy mời làm việc, Biên bản làm việc với Khách Hàng, bên bảo đảm, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan; Văn bản đề nghị tạm phong tỏa/phong tỏa số dư tài khoản thanh toán; Văn bản đề nghị chấm dứt tạm khóa/giải tỏa số dư tài khoản thanh toán; các thông báo/văn bản/công văn liên quan đến hoạt động xử lý nợ;
- d) Thông báo kết quả và thời gian thực hiện phương án xử lý nợ đã được cấp có thẩm quyền của AMC/ NCB phê duyệt;

- e) Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản và văn bản liên quan đến bán đấu giá tài sản bảo đảm của NCB với Tổ chức bán đấu giá tài sản để bán đấu giá tài sản bảo đảm sau khi đã được Cấp có thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt phương án bán đấu giá tài sản, bao gồm nhưng không giới hạn các loại hợp đồng: Hợp đồng thuê dịch vụ Lập vi bằng; Hợp đồng thuê dịch vụ bán đấu giá tài sản, Hợp đồng thuê dịch vụ trông giữ tài sản bảo đảm trước khi giao tài sản bảo đảm cho khách hàng trúng đấu giá; Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với khách hàng trúng đấu giá (nếu có) và các văn bản, hợp đồng thỏa thuận khác có liên quan theo quy định của pháp luật sau khi được cấp thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt;
- f) Hợp đồng dịch vụ và văn bản liên quan đến việc thẩm định giá tài sản bảo đảm giữa NCB và Tổ chức thẩm định giá độc lập sau khi được Cấp có thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt phương án đồng ý cho lựa chọn Tổ chức thẩm định giá độc lập;
- g) Hợp đồng chuyển nhượng tài sản với Bên nhận chuyển nhượng và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản, sang tên tài sản cho Bên nhận chuyển nhượng sau khi đã được Cấp có thẩm quyền AMC/NCB phê duyệt phương án bán tài sản;
- h) Hợp đồng, thỏa thuận thuê tài sản, sử dụng dịch vụ phục vụ cho hoạt động quản lý và xử lý nợ; các hợp đồng, thỏa thuận khác để phục vụ cho hoạt động xử lý nợ của AMC theo quy định của pháp luật;
- i) Thực hiện các công việc khác liên quan đến quá trình thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản nêu tại Khoản 1.2 này (ký văn bản sửa đổi bổ sung, gia hạn, thanh lý, chấm dứt, ...), bao gồm nhưng không giới hạn: Thông báo nhắc nợ; Thông báo/Quyết định/văn bản về việc thu hồi nợ, thu giữ, xử lý TSBĐ, Thông báo/Văn bản liên quan đến thủ tục giải chấp TSBĐ và/hoặc xuất trả TSBĐ cho Khách Hàng; các Thông báo khác tới Khách Hàng liên quan đến nội dung, phương án xử lý nợ, xử lý TSBĐ đã được phê duyệt; Các biên bản làm việc trong công tác xử lý nợ, xử lý TSBĐ của Khách Hàng;
- j) Thông báo/Văn bản gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến công tác xử lý nợ, xử lý TSBĐ của Khách Hàng sau khi được cấp có thẩm quyền AMC phê duyệt;

001697
AN HAN
IG MAI CO
UOC DA
PHO W

- k) Hợp đồng, giao dịch mua/bán nợ và các văn bản, tài liệu liên quan giữa NCB với Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và/hoặc tổ chức mua bán nợ khác sau khi được cấp thẩm quyền của NCB/AMC phê duyệt;
- l) Ký duyệt các báo cáo định kỳ liên quan đến công tác xử lý nợ, thu hồi nợ, nhận và quản lý tài sản bảo đảm là trái phiếu VAMC và báo cáo khác theo quy định/hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của NCB trong phạm vi nghiệp vụ xử lý, thu hồi nợ.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên được ủy quyền

- 2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ công việc được ủy quyền trên cơ sở đảm bảo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tuân thủ quy định pháp luật và quy định của Hợp đồng ủy quyền này;
- 2.2. Bên được ủy quyền độc lập, tự chịu trách nhiệm và chịu trách nhiệm cuối cùng trước Bên ủy quyền và pháp luật về kết quả thực hiện các công việc được ủy quyền, bao gồm mọi hành vi và hậu quả phát sinh từ việc thực hiện công việc của người được ủy quyền lại (cán bộ, nhân viên của AMC) được phân công hoặc giao nhiệm vụ thực hiện công việc thuộc phạm vi được ủy quyền. Việc ủy quyền lại, phân công hoặc giao nhiệm vụ cho bất kỳ cá nhân nào thực hiện công việc thuộc phạm vi được ủy quyền không làm miễn trừ, hạn chế hoặc chuyển giao trách nhiệm của Bên được ủy quyền đối với Bên ủy quyền.
- 2.3. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tất cả các công việc trong phạm vi Hợp đồng ủy quyền này cho Bên ủy quyền;
- 2.4. Trường hợp Bên được ủy quyền không giải quyết hoặc giải quyết chậm trễ các khó khăn, vướng mắc trong phạm vi công việc được ủy quyền dẫn đến ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của NCB thì phải chịu trách nhiệm trước Bên ủy quyền.
- 2.5. Khi thực hiện các công việc tại Điều 1, Bên được ủy quyền được sử dụng con dấu của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết;
- 2.6. Bảo mật toàn bộ các thông tin có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng ủy quyền này (ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Cơ quan Nhà nước để thực hiện công việc được ủy quyền);
- 2.7. Trách nhiệm khác theo quy định của NCB và pháp luật.

Điều 3. Ủy quyền lại

- 3.1. Trong phạm vi được ủy quyền, Bên được ủy quyền được ủy quyền lại cho cán bộ, nhân viên của AMC thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc được ủy quyền. Phạm vi ủy quyền lại không vượt quá phạm vi công việc mà NCB đã ủy quyền cho AMC đồng thời AMC chịu toàn bộ trách nhiệm trước NCB về mọi hành vi, nghĩa vụ của Bên được ủy quyền lại trong quá trình thực hiện công việc được ủy quyền.
- 3.2. Trường hợp Bên được ủy quyền lại theo quy định tại Khoản 3.1 Điều này là cán bộ giữ chức danh quản lý (Phó Giám đốc/Trưởng phòng/Phó phòng hoặc các chức danh tương đương theo quy định của AMC trong từng thời kỳ), Bên được ủy quyền lại được tiếp tục ủy quyền lại cho cán bộ, nhân viên của AMC thuộc phạm vi quản lý của Bên được ủy quyền lại thực hiện các công việc nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng ủy quyền này. Trường hợp Bên được ủy quyền lại là cán bộ, nhân viên của AMC không giữ chức danh quản lý, Bên được ủy quyền lại không được tiếp tục ủy quyền lại.
- 3.3. Việc ủy quyền lại phải được lập thành văn bản. Khi thực hiện các công việc ủy quyền lại tại Điều này, Bên được ủy quyền lại được sử dụng con dấu của AMC trên các văn bản, tài liệu do mình ký kết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- 4.1. Hợp đồng ủy quyền này có hiệu lực từ ngày 17/10/2026; kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, Hợp đồng số: 761/2026/HĐUQ/NCB-AMC ngày 26/06/2026 sẽ chấm dứt hiệu lực.
- 4.2. Hợp đồng ủy quyền này chấm dứt hiệu lực khi phát sinh một trong các trường hợp sau, tùy thuộc trường hợp nào đến trước:
- a) Do hai bên thỏa thuận hoặc có văn bản khác thay thế/bãi bỏ Hợp đồng ủy quyền này;
 - b) NCB có văn bản/thông báo chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng ủy quyền này.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và quy định của NCB;
- 4.3. Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, 01 (một) bản do Bên ủy quyền giữ, 01 (một) bản do Bên được ủy quyền giữ.

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN



**CÔNG TY TNHH QLNN & KTTT
NGÂN HÀNG QUỐC DÂN**

CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Thị Thanh Hương

